

CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
SAO BẮC ĐÁU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2025/CBTT-SBD

TP HCM, ngày 08 tháng 07 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

- Mã chứng khoán: SBD

- Địa chỉ: Lô U14b-16a, đường số 22, KCX Tân Thuận, P Tân Thuận Đông, Q7, HCM

- Điện thoại liên hệ: 028 37700968

Fax: 028 37700968

- E-mail: [info@saobacdau.vn](mailto:info@saobacdau.vn)

Website: <https://saobacdau.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm tài chính 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/07/2025 tại đường dẫn <https://saobacdau.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm TC 2024

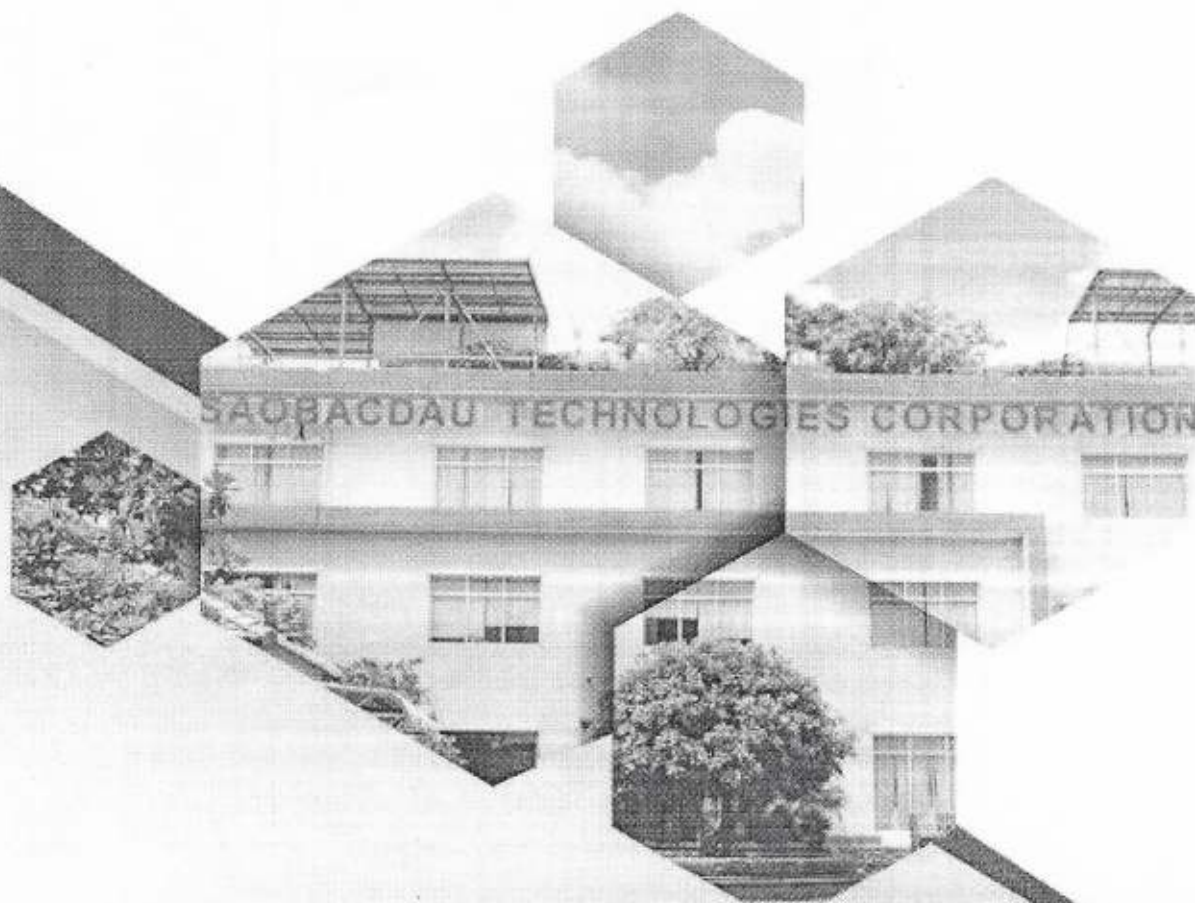
CÔNG TY CỔ  
PHẦN CÔNG  
NGHỆ SAO  
BẮC ĐÁU

Digitally signed by CÔNG TY CỔ  
PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU  
DN: c=VN, st=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH, ou=CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU,  
o=CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG  
NGHỆ SAO BẮC ĐÁU, email=  
info@saobacdau.vn, serial=  
1, c=VN  
Reason: I am the author of this  
document  
Date: 2025.07.08 14:35:56+0700  
Fpdf PDF Reader Version: 2024.2.0

Đại diện tổ chức  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ  
SAO BẮC ĐÁU  
QUẬN 7-T.P.HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Đức Quang

[www.saobacdau.vn](http://www.saobacdau.vn)



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH**

# **2024**

**Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu**

|      |                                                                                                                                           |    |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| I.   | Thông tin chung.....                                                                                                                      | 3  |
| 1.   | Thông tin khái quát.....                                                                                                                  | 3  |
| 2.   | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....                                                                                                    | 4  |
| 3.   | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....                                                                 | 5  |
| 4.   | Định hướng phát triển.....                                                                                                                | 6  |
| 5.   | Các rủi ro .....                                                                                                                          | 7  |
| II.  | Tình hình hoạt động trong năm Tài chính 2024 .....                                                                                        | 8  |
| 1.   | Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....                                                                                             | 8  |
| 2.   | Tổ chức và nhân sự.....                                                                                                                   | 9  |
| 3.   | Tình hình đầu tư và hoạt động của các công ty thành viên .....                                                                            | 10 |
| 3.1  | Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam (SBD South) .....                                                                          | 10 |
| 3.2  | Công ty cổ phần Dịch Vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu (SBD Telecom) .....                                                                        | 10 |
| 4.   | Tình hình đầu tư tại các công ty liên kết .....                                                                                           | 11 |
| 4.1  | Công ty cổ phần Công Nghệ Qi .....                                                                                                        | 11 |
| 4.2  | Các công ty liên kết khác: .....                                                                                                          | 12 |
| 5.   | Tình hình tài chính theo báo cáo tài chính hợp nhất của công ty .....                                                                     | 12 |
| 6.   | Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....                                                                                   | 13 |
| 7.   | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....                                                                     | 14 |
| III. | Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc .....                                                                                                | 15 |
| 1.   | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....                                                                                       | 15 |
| 2.   | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....                                                                               | 17 |
| IV.  | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....                                                                             | 18 |
| 1.   | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội..... | 18 |
| 2.   | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....                                                                 | 18 |
| 3.   | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị .....                                                                                      | 18 |
| 3.1  | Kế hoạch quản trị và kinh doanh.....                                                                                                      | 18 |
| 3.2  | Văn hoá doanh nghiệp.....                                                                                                                 | 19 |
| 3.3  | Đầu tư vào nhân lực .....                                                                                                                 | 19 |
| 3.4  | Đầu tư cho Khoa học công nghệ .....                                                                                                       | 19 |
| V.   | Quản trị công ty .....                                                                                                                    | 19 |
| 1.   | Hội đồng quản trị.....                                                                                                                    | 19 |
| 2.   | Ban kiểm soát: .....                                                                                                                      | 23 |
| 3.   | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS .....                                                                    | 24 |
| VI.  | Báo cáo tài chính .....                                                                                                                   | 29 |
| 1.   | Ý kiến kiểm toán .....                                                                                                                    | 29 |
| 2.   | Báo cáo tài chính được kiểm toán .....                                                                                                    | 30 |



## **I. Thông tin chung**

### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **Sao Bac Dau Technologies Corporation**
- Tên viết tắt: **SBD; SBD Corp.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0303191804**
- Vốn điều lệ: 139.164.800.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 139.164.800.000 đồng
- Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, KCX Tân Thuận, Q.7, TPHCM.
- Số điện thoại: 84-28 37700968
- Số fax: 84-28 37700969
- Website: [www.saobacdau.vn](http://www.saobacdau.vn)
- Mã cổ phiếu: SBD - Sàn giao dịch: UPCoM
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - **1996:** Ngày 25/11/1996, công ty được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty TNHH Điện - Điện Tử - Tin học Sao Bắc Đẩu, có vốn điều lệ 900 triệu đồng cùng 04 CBNV làm việc, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm/giải pháp/dịch vụ trong ngành CNTT cho thị trường Việt Nam.
  - **1997:** Thành lập chi nhánh tại Hà Nội.
  - **1997-2003:** Sao Bắc Đẩu (tên tiếng Việt) – ISP (tên tiếng Anh) trở thành công ty Việt Nam đầu tiên mang giải pháp mạng Cisco đến cho các doanh nghiệp Việt Nam. Trong các năm này, Sao Bắc Đẩu – ISP trở thành công ty nổi tiếng nhất tại Việt Nam với các giải pháp Networking (hệ thống cáp cấu trúc mở, hệ thống chuyển mạch và định tuyến, tường lửa).
  - **2004:** Thành lập văn phòng đại diện tại Đà Nẵng và chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty TNHH sang công ty Cổ phần với tên gọi: Công ty Cổ phần Điện - Điện tử - Tin học Sao Bắc Đẩu, vốn điều lệ tăng lên 18 tỷ.
  - **2007:** Chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu với tên giao dịch tiếng Anh là SaoBacDau Corp., vốn điều lệ 80 tỷ.
  - **2015:** Công ty tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 82.879.070.000 đồng.
  - **2016:** Công ty tăng vốn điều lệ từ 82,879,070,000 đồng lên 84,879,070,000 đồng.
  - **2017:** Gần 8,5 triệu cổ phiếu của Công ty đã chính thức lên sàn UPCoM với mã chứng khoán SBD và tăng vốn điều lệ từ 84.879.070.000 đồng lên 90.000.000.000 đồng.
  - **2018:** Công ty tăng vốn điều lệ từ 90.000.000.000 đồng lên 98.999.060.000 đồng.
  - **2019 (Từ 1/1/2019 đến 31/3/2020):** Công ty tăng vốn điều lệ từ 98.999.060.000 đồng lên 115.000.000.000 đồng.
  - **Từ năm 2021 thay đổi niên độ tài chính từ 01/04 đến 31/03**
  - **2022:** Công ty tăng vốn điều lệ từ 115.000.000.000 đồng lên 121.783.800.000 đồng.

- **2023:** Công ty tăng vốn điều lệ từ 121.783.800.000 đồng lên 135.146.800.000 đồng.
- **2024:** Công ty tăng vốn điều lệ từ 135.146.800.000 đồng lên 139.164.800.000 đồng.

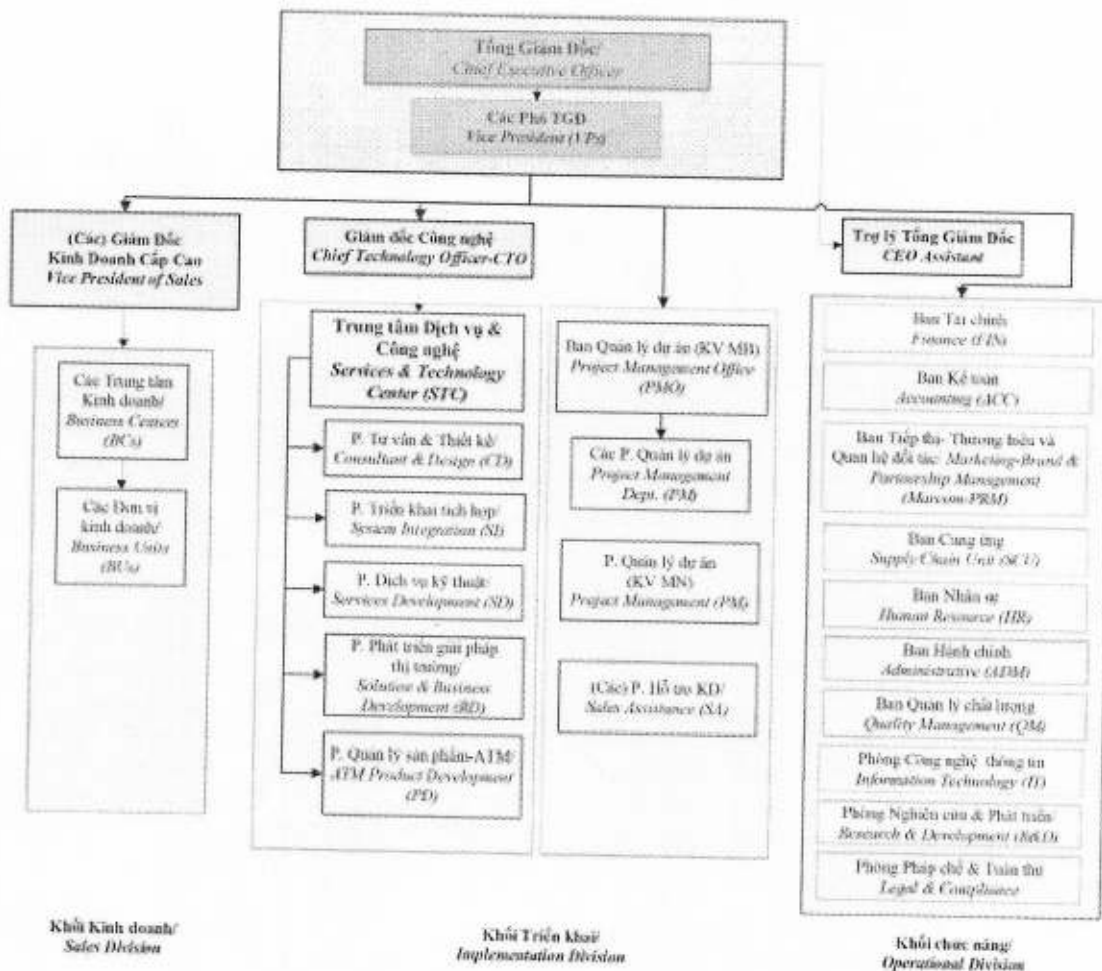
## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Là một đơn vị cung cấp các giải pháp tích hợp hệ thống chuyên nghiệp, đến nay Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu đã và đang tiếp tục khẳng định và trở thành một Tổng Công ty cùng các công ty thành viên hoạt động đa dạng và chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- Các hoạt động kinh doanh chính hiện nay của Sao Bắc Đẩu:
  - Cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống công nghệ thông tin và viễn thông.
  - Cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ IoT vào các lĩnh vực như: giao thông, môi trường, nông nghiệp, y tế, giáo dục, chính phủ, bất động sản, khu dân cư phức hợp ...
  - Cung cấp các dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây gồm các dịch vụ thoại, máy chủ ảo, hạ tầng DC ảo, dịch vụ sao lưu dữ liệu, dịch vụ CDN và phần mềm dưới dạng dịch vụ (SaaS).
  - Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật công nghệ thông tin.
  - Cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông và CNTT cho các khu đô thị mới, cao ốc văn phòng, khách sạn, các khu chung cư...
- Địa bàn kinh doanh chính: Việt Nam.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### - Mô hình quản trị:

- ❖ Mô hình quản trị tại SBD bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- ❖ Sơ đồ tổ chức điều hành của SBD năm Tài chính 2024



#### - Cơ cấu bộ máy quản lý:

- ❖ Cơ cấu tổ chức điều hành của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối/ban chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối/ban thông qua các Phó Tổng Giám đốc và các Giám đốc phụ trách khối/ban.

#### - Các công ty con:

Tính đến 31/03/2025, Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu có hai công ty con: Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam (SBD South), Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đẩu (SBD Telecom).

#### • Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam (SBD South)

- Địa chỉ: 63/37b đường Tân Chánh Hiệp 34, Khu phố 17, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Lĩnh vực hoạt động: Mua bán các sản phẩm CNTT, dịch vụ CNTT, các sản phẩm tiết kiệm



năng lượng; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tiết kiệm năng lượng; kinh doanh các dịch vụ cho thuê kho bãi, vận tải, bốc xếp.

- Vốn điều lệ thực góp: 10 tỷ đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ: chiếm 99,98% vốn góp của công ty con.
- **Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đẩu (SBD Telecom):**
  - Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
  - Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp thiết bị, dịch vụ Công nghệ thông tin; các dịch vụ Giá trị gia tăng trên nền tảng viễn thông; dịch vụ bảo hành bảo trì cho mạng viễn thông.
  - Vốn điều lệ thực góp: 36 tỷ đồng.
  - Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ: chiếm 88,89% vốn điều lệ tại SBD Telecom.

#### **4. Định hướng phát triển**

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**
  - Mục tiêu hoạt động của Công ty là tập trung mang lại lợi ích cho khách hàng, lợi nhuận cho nhà đầu tư, thu nhập cao cho người lao động và đóng góp cho cộng đồng;
  - Trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực CNTT tại Việt Nam là nơi hội tụ sự thành đạt và niềm tự hào của con người Sao Bắc Đẩu;
  - Công ty phát triển cùng sự phát triển của đất nước, thay đổi linh hoạt với nền kinh tế thế giới, tăng cường sức mạnh cạnh tranh trên nền tảng vững chắc của các nguồn lực;
  - Với hoài bão và trí tuệ của đội ngũ CBNV Sao Bắc Đẩu, kết hợp cùng công nghệ tiên tiến trên thế giới cung cấp bởi các đối tác hàng đầu, công ty đầu tư nghiên cứu và phát triển các giải pháp, dịch vụ công nghệ số phù hợp với thực tế, mang lại hiệu quả vận hành cho các tổ chức, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy phát triển công nghệ số tại Việt Nam.
- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**
  - Là một trong những công ty cung cấp giải pháp và dịch vụ số hàng đầu tại Việt Nam;
  - Xây dựng đội ngũ giàu kinh nghiệm và năng lực trình độ cao, lấy đó làm trọng tâm tạo nên sự khác biệt trong sản phẩm và giải pháp kinh doanh của công ty;
  - Khắc phục những khó khăn nội tại và khách quan bên ngoài, ổn định nguồn lực tài chính và nhân sự chuyên môn cao.
  - Lấy sự hiểu biết khách hàng là nền tảng trong hoạt động kinh doanh; định hướng đẩy mạnh phát triển thị trường thuộc các ngành: dịch vụ viễn thông, năng lượng, tài chính – ngân hàng và doanh nghiệp lớn đa ngành nghề.
  - Đẩy mạnh phát triển và khai thác có chiều sâu ở những thị trường trọng điểm với các giải pháp và dịch vụ mới.
- **Mục tiêu của công ty về phát triển bền vững môi trường, xã hội và cộng đồng:**
  - Thúc đẩy phát triển hạ tầng CNTT xanh, giảm phát thải carbon thông qua sử dụng năng lượng tái tạo, trung tâm dữ liệu hiệu suất cao và vận hành không giấy.
  - Tăng cường trách nhiệm xã hội, xây dựng môi trường làm việc đa dạng, bình đẳng, chăm lo sức khỏe, đào tạo và phát triển năng lực toàn diện cho nhân sự.
  - Cam kết ứng dụng công nghệ một cách đạo đức và minh bạch, đặc biệt trong ứng dụng AI, bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư của người dùng.
  - Đồng hành cùng cộng đồng thông qua chương trình hỗ trợ chuyển đổi số, đào tạo kỹ năng số

cho thể hệ trẻ.

- Gắn kết phát triển doanh nghiệp với phát triển bền vững địa phương, thông qua tạo việc làm, hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ, và hoạt động thiện nguyện có chiều sâu.

## 5. Các rủi ro

### - Rủi ro về kinh tế-xã hội:

- **Suy thoái kinh tế toàn cầu:** Năm 2024, nền kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức do suy giảm tăng trưởng tại các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc và châu Âu. Xuất khẩu của Việt Nam bị ảnh hưởng do đơn hàng từ các thị trường lớn giảm sút, tác động trực tiếp đến sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước, bao gồm SBD
- **Áp lực lạm phát & chuỗi cung ứng:** Giá nguyên vật liệu và chi phí vận hành tiếp tục tăng cao do lạm phát và căng thẳng địa chính trị. Xung đột Nga - Ukraine kéo dài, cùng với căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc và các biện pháp kiểm soát xuất khẩu công nghệ, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Các doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn trong nhập khẩu linh kiện công nghệ, đặc biệt là vi mạch và thiết bị CNTT.
- **Biến đổi khí hậu & thiên tai:** Tình trạng nắng nóng kéo dài, hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng tại Đồng bằng sông Cửu Long, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đẩy giá lương thực tăng cao. Điều này tác động gián tiếp đến chi phí sinh hoạt và thị trường lao động, tạo áp lực lên doanh nghiệp
- **Rủi ro từ chính sách kinh tế:** Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa được triển khai kịp thời. Việc tiếp cận vốn vay khó khăn, thủ tục đầu tư phức tạp, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm và quy định hành chính chồng chéo gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp công nghệ,...

### - Rủi ro pháp luật:

- **Quản lý nhà nước trong lĩnh vực CNTT & viễn thông:** Dù khung pháp lý về CNTT đang dần hoàn thiện, doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn do nhiều quy định tập trung vào quản lý thay vì tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Việc phân loại ngành nghề, cấp phép và quy định về thuế suất đối với các sản phẩm, dịch vụ công nghệ chưa thực sự rõ ràng. Ngoài ra, các thủ tục liên quan đến nhập khẩu thiết bị CNTT, cung cấp dịch vụ số, và bảo mật dữ liệu còn nhiều vướng mắc.
- **Tuân thủ quy định chứng khoán & doanh nghiệp:** Công ty phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản trị doanh nghiệp, chứng khoán và thị trường vốn theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan. Bất kỳ sự thay đổi nào trong chính sách có thể ảnh hưởng đến chiến lược phát triển và hoạt động của công ty..

### - Rủi ro đặc thù của ngành:

- **Biến động tỷ giá:** Các sản phẩm và giải pháp công nghệ SBD cung cấp chủ yếu nhập khẩu từ Mỹ và các nước phát triển, được tính theo USD. Tuy nhiên, công ty thu bằng VND, dẫn đến rủi ro biến động tỷ giá có thể ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận.
- **Thiếu hụt chip & linh kiện công nghệ:** Việc hạn chế xuất khẩu công nghệ bán dẫn từ Mỹ và các nước đồng minh khiến nguồn cung chip tiếp tục khan hiếm. Các doanh nghiệp CNTT tại Việt Nam gặp khó khăn trong việc nhập khẩu linh kiện phục vụ sản xuất, dẫn đến giá sản phẩm tăng, thời gian giao hàng kéo dài và ảnh hưởng tiến độ triển khai dự án.
- **Bảo mật và an toàn thông tin:** Các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi, đặc biệt là vào các hệ thống tài chính, ngân hàng và doanh nghiệp công nghệ. Quy định mới về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam và các thị trường quốc tế như EU (GDPR) đòi hỏi doanh nghiệp



phải đầu tư mạnh vào bảo mật, gây áp lực về chi phí và nguồn lực.

- **Rủi ro cạnh tranh:**

- **Cạnh tranh trong nước:** Các công ty tích hợp hệ thống lớn tại Việt Nam đang mở rộng thị phần, rút ngắn khoảng cách về công nghệ với SBD. Để duy trì vị thế, SBD cần tập trung vào phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực tư vấn và cung cấp dịch vụ chuyên sâu cho khách hàng.
- **Cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài:** Các doanh nghiệp CNTT quốc tế ngày càng mở rộng hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt trong các dự án FDI và khối khách hàng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc cạnh tranh với các tập đoàn lớn sở hữu công nghệ tiên tiến và nguồn vốn mạnh là thách thức không nhỏ đối với SBD.

## II. Tình hình hoạt động trong năm Tài chính 2024

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Kết quả của công ty Mẹ:** Theo báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2024, lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ đạt **82,77%** kế hoạch.

ĐVT: VND

| Chỉ tiêu                      | Kế hoạch Năm TC 2024 | Thực hiện Năm TC2024 | Tỷ lệ (Thực hiện/KH) |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận sau thuế công ty Mẹ | 7.300.000.000        | 6.042.021.024        | 82,77%               |
| Cổ tức cho cổ đông công ty Mẹ | 0                    | 0                    | 0                    |

- **Kết quả kinh doanh hợp nhất:** Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, doanh thu hợp nhất đạt **87,52%** kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt **56,87%** kế hoạch. Việc không hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận và doanh thu theo kế hoạch năm tài chính 2024 do ảnh hưởng từ rất nhiều yếu tố tiêu cực của thị trường như: suy thoái kinh tế, lạm phát cao, lãi suất vay tăng, khả năng tiếp cận nguồn vốn vay bị hạn chế, việc thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn và kéo dài do dòng tiền của khách hàng.

ĐVT: VND

| Chỉ tiêu                    | Kế hoạch Năm TC 2024 | Thực hiện Năm TC 2024 | Tỷ lệ (Thực hiện/KH) |
|-----------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| Doanh thu hợp nhất          | 875.000.000.000      | 687.057.442.029       | 78,52%               |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 7.600.000.000        | 4.322.107.354         | 56,87%               |

ĐVT: VND

| Chỉ tiêu                          | Thực hiện Năm TC 2023 | Thực hiện Năm TC 2024 | Đạt    |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------|
| Doanh thu hợp nhất                | 785.786.139.881       | 687.057.442.029       | 87,44% |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.238.207.820        | 10.158.046.741        | 83,00% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành       | 5.636.569.805         | 5.284.014.369         | 93,75% |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại        | 1.202.136.120         | 551.925.018           | 45,91% |

|                                                |               |               |         |
|------------------------------------------------|---------------|---------------|---------|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN                        | 5.399.501.895 | 4.322.107.354 | 80,05%  |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 61.007.518    | 206.269.094   | 338,10% |

- Kết quả doanh thu hợp nhất bằng 87,44% so với năm tài chính 2023, giảm 12,56%; lợi nhuận trước thuế giảm 17%, lợi nhuận sau thuế giảm 19,95%. Các chỉ số đều giảm do nguyên nhân khách quan khó khăn của thị trường và nguyên nhân chủ quan như đã nêu ở trên làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính 2024.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành (căn cứ danh sách cổ đông ngày 31/03/2025)

| STT | Thành viên         | Chức vụ        | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------|----------------|-------------------|--------------|
| 1   | Nguyễn Hồng Minh   | Tổng giám đốc  | 76.300            | 0,55%        |
| 2   | Trần Tuyên Đức     | Phó TGD        | 464.305           | 3,34%        |
| 3   | Nguyễn Xuân Trường | Phó TGD        | 321.571           | 2,31%        |
| 4   | Ngô Tiến Mạnh      | Kế toán trưởng | 113.500           | 0,82%        |

- Báo cáo nhân sự:

❖ Số lượng nhân sự của Sao Bắc Đẩu và các công ty thành viên tính đến 31/03/2025 là 191 người, so với năm TC 2023 giảm 16,59 %.

❖ Các số liệu nhân sự của Sao Bắc Đẩu Group:

- o Cơ cấu nhân sự theo trình độ:

| STT       | Trình độ           | Số lượng | Tỷ lệ  |
|-----------|--------------------|----------|--------|
| 1         | Trên Đại học       | 14       | 7.33%  |
| 2         | Đại học            | 128      | 67.02% |
| 3         | Cao Đẳng/Trung Cấp | 33       | 17.28% |
| 4         | Lao động phổ thông | 16       | 8.38%  |
| Tổng cộng |                    | 191      | 100%   |

- o Cơ cấu nhân sự theo chức năng nhiệm vụ:

| STT | Cơ cấu nhân sự theo chức năng nhiệm vụ | Số lượng | Tỷ lệ |
|-----|----------------------------------------|----------|-------|
| 1   | Hội đồng quản trị                      | 5        | 2.62% |
| 2   | Ban kiểm soát                          | 3        | 1.57% |
| 3   | Văn phòng HĐQT                         | 1        | 0.52% |

|   |                   |     |        |
|---|-------------------|-----|--------|
| 3 | Ban Tổng giám đốc | 4   | 2.09%  |
| 4 | Khối Kinh doanh   | 28  | 14.66% |
| 5 | Khối Triển khai   | 84  | 43.98% |
| 6 | Khối chức năng    | 66  | 34.55% |
|   | Tổng cộng         | 191 | 100%   |

### 3. Tình hình đầu tư và hoạt động của các công ty thành viên

#### 3.1 Công ty cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam (SBD South)

##### - Tóm tắt hoạt động:

Trong năm, công ty không phát sinh hoạt động kinh doanh hoặc giao dịch thương mại. Doanh nghiệp vẫn duy trì tư cách pháp nhân và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kê khai theo quy định pháp luật.

##### - Một số chỉ tiêu tài chính năm tài chính 2024

ĐVT: VND

|                               |               |
|-------------------------------|---------------|
| Doanh số:                     | 0             |
| Giá vốn:                      | 0             |
| Chi phí bán hàng:             | 0             |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp: | 286.442.020   |
| Lợi nhuận trước thuế:         | (362.793.249) |
| Lợi nhuận sau thuế:           | (422.720.235) |
| Tổng tài sản:                 | 8.773.797.008 |
| Tài sản cố định:              | 0             |
| Vốn chủ sở hữu:               | 8.773.797.008 |

Bảng kết quả kinh doanh năm tài chính 2024 so với 2023

ĐVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu           | Năm TC 2023 | Năm TC 2024 | Đạt |
|--------------------|-------------|-------------|-----|
| Doanh thu          | 7,03        | 0           | 0%  |
| Lợi nhuận sau thuế | -0,8        | -0,42       | -   |

#### 3.2 Công ty cổ phần Dịch Vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu (SBD Telecom)

##### - Tóm tắt hoạt động:

- ❖ Công ty cổ phần Dịch Vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu (SBD Telecom) được thành lập vào tháng 5/2016, cung cấp hạ tầng điện toán đám mây, dịch vụ lưu trữ và backup dữ liệu trên cloud, các giải pháp, ứng dụng trên nền điện toán đám mây.



- Một số chỉ tiêu tài chính trong năm tài chính 2024

ĐVT: VND

|                               |                |
|-------------------------------|----------------|
| Doanh số:                     | 22.192.328.280 |
| Giá vốn:                      | 16.171.461.766 |
| Chi phí bán hàng:             | 1.634.573.882  |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp: | 2.813.958.480  |
| Lợi nhuận trước thuế:         | 635.861.523    |
| Lợi nhuận sau thuế:           | 621.622.981    |
| Tổng tài sản:                 | 28.755.366.177 |
| Tài sản cố định:              | 14.870.367.684 |
| Vốn chủ sở hữu:               | 9.086.124.273  |

Bảng kết quả kinh doanh năm tài chính 2024 so với năm 2023

ĐVT: tỷ đồng

|                    | Năm TC 2023 | Năm TC 2024 | Đạt    |
|--------------------|-------------|-------------|--------|
| Doanh thu          | 25,73       | 22,19       | 86,25% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1,086       | 0,62        | 57,26% |

#### 4. Tình hình đầu tư tại các công ty liên kết

##### 4.1 Công ty cổ phần Công Nghệ Qi

- Hoạt động chính:

- ❖ Công ty cổ phần công nghệ Qi trở thành công ty liên kết của SBD từ ngày 1/1/2021. Các mảng kinh doanh chính: đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông, hạ tầng viễn thông, dịch vụ tích hợp hệ thống và tư vấn, triển khai giải pháp công nghệ thông tin cho doanh nghiệp.

- ❖ Các dịch vụ và giải pháp chính:

- Giải pháp phần mềm và xu hướng chuyển đổi số: giải pháp quản lý nhân sự, quản lý khách vào ra, quản lý tài sản, quản lý video,...
- Dịch vụ CNTT: dịch vụ ảo hóa máy chủ, cho thuê kỹ sư 24/7, tích hợp hệ thống, thiết bị IoT.
- Giải pháp ngành: giải pháp giám sát phương tiện vận tải, giải pháp cho khu đô thị 4.0, giải pháp tổng thể cho nhà máy/tòa nhà, giải pháp CCTV AI-ACS.
- Hạ tầng viễn thông: thanh toán cước trực tuyến, gói cước internet, hạ tầng viễn thông cố định, hạ tầng phủ sóng di động IBS, quản lý chất lượng dịch vụ,...

- Chỉ tiêu tài chính thực hiện trong năm tài chính 2024:

|                    |                |
|--------------------|----------------|
| Chỉ tiêu tài chính | ĐVT: VND       |
| Doanh số:          | 84.521.949.961 |
| Giá vốn:           | 56.496.283.928 |

|                               |                |
|-------------------------------|----------------|
| Chi phí bán hàng:             | 12.672.450.286 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp: | 10.132.195.702 |
| Lợi nhuận trước thuế:         | 4.632.722.164  |
| Lợi nhuận sau thuế:           | 3.704.978.372  |
| Tổng tài sản:                 | 40.427.824.447 |
| Tài sản cố định:              | 2.880.417.140  |
| Vốn chủ sở hữu:               | 27.613.795.068 |
| Lợi nhuận chưa phân phối:     | 5.613.795.068  |

#### 4.2 Các công ty liên kết khác:

| STT | Tên                                  | Địa chỉ                                                                   | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|-----|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------|
| 1   | Công ty TNHH MTV Dịch vụ tin học CEH | Phòng 701, tầng 07, 45 Đinh Tiên Hoàng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM, Việt Nam | 27,03%                 | 27,03%        |
| 2   | Công ty TNHH Giải pháp phần mềm DCT  | 585/6 Sur Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh                   | 22,27                  | 22,27         |

Trong báo cáo này, các số liệu báo cáo và tình hình hoạt động của công ty liên kết trên đây chưa được cập nhật do SBD chưa thu thập được thông tin tài chính và báo cáo tài chính từ các công ty liên kết cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025.

#### 5. Tình hình tài chính theo báo cáo tài chính hợp nhất của công ty

##### - Tình hình tài chính

DVT: tỷ đồng

| Chỉ tiêu                                                 | Năm 2024 | Năm 2023 | % tăng/<br>giảm |
|----------------------------------------------------------|----------|----------|-----------------|
| Tổng giá trị tài sản                                     | 533,03   | 645,46   | -17,42%         |
| Doanh thu thuần                                          | 687,06   | 785,79   | -12,56%         |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh                        | 9,10     | 7,23     | 25,74%          |
| Lợi nhuận khác                                           | 1,06     | 5,00     | -78,79%         |
| Lợi nhuận trước thuế                                     | 10,16    | 12,24    | -17,00%         |
| Lợi nhuận sau thuế của Cty Cổ phần công nghệ Sao Bắc Đẩu | 4,12     | 5,34     | -22,90%         |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                               | 0        | 0        |                 |

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu                                                      | Năm 2024 | Năm 2023 | % tăng/giảm |
|-------------------------------------------------------------------|----------|----------|-------------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                         |          |          |             |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn                                       | 1,156    | 1,043    | 10,84%      |
| + Hệ số thanh toán nhanh                                          | 0,680    | 0,620    | 9,68%       |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                  |          |          |             |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                           | 0,711    | 0,774    | -8,15%      |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                         | 2,456    | 3,423    | -28,27%     |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                          |          |          |             |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 3,543    | 3,420    | 3,60%       |
| + Vòng quay tổng tài Sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân  | 1,289    | 1,217    | 5,91%       |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                           |          |          |             |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                        | 0,006    | 0,007    | -14,29%     |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                         | 0,028    | 0,037    | -24,32%     |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                           | 0,008    | 0,008    | 0%          |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần         | 0,013    | 0,009    | 44,44%      |

**6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: **13.916.480** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **13.916.480** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:** Căn cứ văn bản số 1334/UBCK-PTTT ngày 27/03/2023 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của SBD là **49%**.

**b. Cơ cấu cổ đông (căn cứ danh sách cổ đông ngày 31/03/2025)**

| STT | Loại cổ đông       | Số cổ phần | Giá trị (đồng)  | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------|------------|-----------------|--------------|
| I   | Cổ đông trong nước | 13.790.600 | 137.906.000.000 | 99,10%       |
| 1   | Cổ đông nhà nước   | 0          | 0               | 0            |
| 2   | Cá nhân            | 13.770.600 | 137.706.000.000 | 98,96        |
| 3   | Tổ chức            | 20.000     | 200.000.000     | 0,14%        |
| II  | Cổ phiếu quỹ       | 0          | 0               | 0            |



|                             |                    |                   |                        |             |
|-----------------------------|--------------------|-------------------|------------------------|-------------|
| III                         | Cổ đông nước ngoài | 125.880           | 1.258.800.000          | 0,90%       |
| 1                           | Cá nhân            | 125.880           | 1.258.800.000          | 0,90%       |
| 2                           | Tổ chức            | 0                 | 0                      | 0           |
| <b>Tổng cộng (I+II+III)</b> |                    | <b>13.916.480</b> | <b>139.146.800.000</b> | <b>100%</b> |

**Danh sách cổ đông lớn (căn cứ danh sách cổ đông ngày 31/03/2025)**

| STT | Họ tên           | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|-------------------|--------------|
| 1   | Nguyễn Đức Quang | 2.291.078         | 16,46%       |
| 2   | Mai Thị Thúy Mai | 1.015.290         | 7,30%        |

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

| Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Số vốn tăng thêm | Vốn điều lệ sau phát hành | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý                                                                        |
|------------------------------------|------------------|---------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 2024                               | 13.916.480       | 139.164.800.000           | Phát hành ESOP     | Quyết định số 14/QĐ-SGDHN ngày 07/01/2025 của Sở giao dịch chứng khoán (GDCK) Hà Nội |

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có

**e. Các chứng khoán khác:** không có

**7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**Tiêu thụ năng lượng**

Lĩnh vực hoạt động của công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn và triển khai các dự án công nghệ thông tin nên mức tiêu thụ điện năng không nhiều, chủ yếu năng lượng điện sử dụng phục vụ sinh hoạt và vận hành khu văn phòng.

Từ năm 2018 công ty đã lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống pin năng lượng mặt trời với hơn 350m<sup>2</sup> diện tích áp mái. Sản lượng điện từ hệ thống pin năng lượng mặt trời này cung cấp gần 30% tổng nhu cầu tiêu thụ điện của công ty. Việc sử dụng nguồn năng lượng sạch, bền vững là mục tiêu lâu dài của công ty, nhằm chung tay góp phần bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Công ty luôn chú trọng đến bảo vệ môi trường, duy trì và mở rộng diện tích cây xanh xung quanh văn phòng đồng thời sử dụng hợp lý nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên và luôn nhắc nhở cán bộ công nhân viên thực hiện nâng cao nhận thức và cùng quan tâm bảo vệ môi trường. Hiện tại diện tích cây xanh trong khuôn viên công ty đạt khoảng 35% và trong tương lai công ty sẽ tham gia mở rộng diện tích cây xanh thông qua các phong trào trồng cây. Công ty đảm bảo vận hành đúng, đủ, thường xuyên công tác xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

### Chính sách liên quan đến người lao động

Trong hơn 28 năm xây dựng và phát triển, công ty luôn chú trọng phát triển xã hội-con người một cách lành mạnh, an toàn. Công ty luôn tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài bằng việc thực hiện quy chế trả lương và chính sách phúc lợi tuân theo các quy định rõ ràng dựa theo cấp bậc và năng suất làm việc của mỗi nhân viên. Đồng thời thực hiện các chính sách khen thưởng nhân viên đạt thành tích tốt trong công việc. Công ty luôn đảm bảo cung cấp đầy đủ các chế độ như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn, Bảo hiểm Y tế theo quy định của Bộ Luật lao động, chế độ thai sản, chế độ nghỉ mát hàng năm,... Công ty cũng áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin tiên tiến giúp nhân viên cải thiện hiệu suất làm việc và tạo môi trường lao động linh hoạt trên cả môi trường trực tuyến và ngoại tuyến. Công ty luôn nỗ lực hoàn thiện chính sách nhằm ngày một nâng cao chất lượng đời sống, điều kiện làm việc và thu nhập của người lao động.

### Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Sự phát triển của Sao Bắc Đẩu góp phần tạo nên sự phát triển cho ngành khoa học công nghệ nói riêng và kinh tế Việt Nam nói chung. Đặc biệt Sao Bắc Đẩu cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chuyển đổi số cho doanh nghiệp giúp duy trì và nâng cao hiệu suất hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

Sao Bắc Đẩu luôn nỗ lực trong khả năng có thể góp phần vào các hoạt động thiện nguyện, các phong trào gây quỹ của các hội ngành mà công ty tham gia, với mong muốn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được năm TC 2024 so với kế hoạch và so với năm TC 2023*

| STT | Chỉ tiêu                    | Thực hiện<br>2023<br>(Tỷ VNĐ) | Thực hiện<br>2024<br>(Tỷ VNĐ) | Kế hoạch<br>2024<br>(Tỷ VNĐ) | Kết quả thực hiện<br>2024 so với |                      |
|-----|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------------------|----------------------|
|     |                             |                               |                               |                              | Kế<br>hoạch<br>2024              | Thực<br>hiện<br>2023 |
| 1   | Doanh thu hợp nhất          | 785,79                        | 687,06                        | 875,00                       | 78,52%                           | 87,44%               |
| 2   | Lợi nhuận hợp nhất sau thuế | 5,40                          | 4,32                          | 7,60                         | 56,87%                           | 80,05%               |

#### - Những kết quả đạt được trong năm:

- o Tiếp tục giữ vững vị thế là Đối tác Vàng của Cisco, đồng thời duy trì mối quan hệ chiến lược với nhiều tập đoàn công nghệ toàn cầu như Dell Technologies, Fortinet,...
- o Ổn định tốt về tài chính và nhân sự, đảm bảo nguồn lực vận hành và phát triển dài hạn.
- o Thành công trong công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn, góp phần tăng cường dòng tiền và hiệu quả quản trị.
- o Được VINASA bình chọn vào Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu trong lĩnh vực tư vấn, phát triển dịch vụ, giải pháp CNTT và chuyển đổi số – khẳng định uy tín và năng lực công nghệ của công ty trên thị trường.
- o Có mặt trong bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) do Vietnam Report và báo VietnamNet tổ chức công bố – đánh dấu bước phát triển đáng ghi nhận về quy mô và thương hiệu.
- o Được khách hàng đánh giá cao thông qua chuỗi hội thảo công nghệ chuyên sâu, phối hợp cùng các đối tác lớn, góp phần gia tăng giá trị tư vấn, cập nhật xu hướng công nghệ mới, đồng thời mở rộng hệ sinh thái giải pháp tích hợp.

#### - Định hướng trong giai đoạn tiếp theo:



- Tăng cường năng lực tư vấn và triển khai các giải pháp chuyển đổi số toàn diện cho doanh nghiệp và tổ chức, đặc biệt trong các lĩnh vực tài chính – ngân hàng, sản xuất và đô thị thông minh – nơi có nhu cầu cao về hạ tầng số hiện đại và tích hợp.
- Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, bao gồm điện toán đám mây (cloud), bảo mật thông tin (cybersecurity), và hạ tầng CNTT tích hợp trí tuệ nhân tạo AI nhằm bắt kịp xu thế chuyển dịch số của thị trường.
- Mở rộng hợp tác với các đối tác công nghệ toàn cầu, không chỉ duy trì mối quan hệ hiện tại với các hãng lớn như Cisco, Dell, Fortinet..., mà còn tìm kiếm các giải pháp mới có tính ứng dụng cao, phù hợp với thị trường trong nước.
- Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên gia có năng lực chuyên sâu, đồng thời thu hút nhân sự trẻ chất lượng cao thông qua các chương trình đào tạo và hợp tác với các trường đại học công nghệ hàng đầu.
- Tăng cường hiệu quả vận hành nhằm tối ưu quy trình và kiểm soát chi phí.
- Xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, lấy giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam: Trong đó, các giá trị cốt lõi như đặt lợi ích công ty lên hàng đầu – Chia sẻ, thấu hiểu – Cam kết và trách nhiệm lãnh đạo sẽ được cụ thể hóa trong từng hành động, quy trình và hoạt động thường nhật. Văn hóa ấy không chỉ là nền tảng giúp công ty duy trì nội lực mạnh mẽ, mà còn là yếu tố gắn kết đội ngũ, lan tỏa tinh thần tích cực và thúc đẩy sự đổi mới liên tục.

#### Những hoạt động nổi bật của công ty trong năm tài chính 2024:

- Ngày 15/5/2024, Công ty Sao Bắc Đẩu (SBD) tổ chức lễ ký kết cam kết doanh số năm 2024 với đối tác chiến lược GRG Banking tại trụ sở chính của SBD, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai công ty và ghi tên SBD trong bản đồ các đơn vị cung cấp giải pháp chuyên biệt cho ngành tài chính – ngân hàng.
- Ngày 24/07/2024, Sao Bắc Đẩu và Cisco Việt Nam đã tổ chức hội thảo “Phòng chống tấn công Ransomware với Cisco Umbrella” nhằm nâng cao nhận thức và cung cấp giải pháp bảo mật tiên tiến cho các doanh nghiệp. Hội thảo đã đưa ra những lời giải cho bài toán phòng chống tấn công Ransomware, giúp khách hàng hiểu rõ hơn về những nguy cơ và cách thức bảo vệ hệ thống thông tin của họ.
- Ngày 26/7/2024, đại diện của SBD đã vinh dự nhận giải thưởng **Expert Partner** từ Fortinet, một trong những tập đoàn hàng đầu thế giới về an ninh mạng. Giải thưởng được trao bởi Ông John Lee, Senior Channel Director của Fortinet nhằm ghi nhận những đóng góp xuất sắc của SBD trong việc cung cấp các giải pháp an ninh mạng tiên tiến và hỗ trợ khách hàng một cách hiệu quả.
- SBD đã ghi dấu ấn mạnh mẽ khi giành chiến thắng trong chương trình “The Winner’s Circle Partners” năm 2024 của Cisco, cuộc thi bán hàng đầy cạnh tranh tầm khu vực và kéo dài suốt cả năm được Cisco thiết kế nhằm vinh danh những đối tác có thành tích xuất sắc. SBD đã vượt qua nhiều đối thủ mạnh trong khu vực APJC để giành chiến thắng xứng đáng trong chương trình này nhờ vào kết quả kinh doanh ấn tượng trong mảng Cisco Enterprise Networking.
- Ngày 19/9/2024 SBD cùng NVIDIA tổ chức sự kiện chuyên sâu về các giải pháp AI. Tại sự kiện đã có nhiều chia sẻ hữu ích từ chuyên gia hàng đầu đến từ hãng công nghệ NVIDIA, giúp người nghe có cái nhìn rõ nét hơn về tiềm năng cũng như những lợi ích vượt trội mà AI mang lại.
- Ngày 21/9/2024, Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam (VINASA) bình chọn và trao giải thưởng Top 10 doanh nghiệp tư vấn và phát triển dịch vụ, giải pháp CNTT và chuyển đổi số cho SBD. Lễ trao giải diễn ra tại Hà Nội, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp hàng đầu trong ngành CNTT. Giải thưởng này nhằm tôn vinh những doanh nghiệp có đóng góp xuất sắc trong việc tư vấn và phát triển các dịch vụ, giải pháp công nghệ thông tin và chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp 4.0 tại Việt Nam.
- Ngày 8/1/2025 tổ chức Vietnam Report phối hợp cùng báo VietnamNet tổ chức lễ công bố danh sách Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500). Danh sách này xét chọn dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập theo chuẩn mực quốc tế của Vietnam Report và được định kỳ công bố thường niên. Đáp



ứng được những tiêu chí của đơn vị đánh giá đưa ra, Công ty CP CN Sao Bắc Đẩu tiếp tục được vinh danh và trao chứng nhận Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2024.

- o Ngày 27/3/2025, tại khách sạn Sheraton Hà Nội West, Sao Bắc Đẩu phối hợp cùng Cisco tổ chức hội thảo khách hàng chiến lược khu vực miền Bắc với chủ đề "Modern Enterprise with Cisco AI & Secure Networking". Sự kiện thu hút sự quan tâm của đông đảo doanh nghiệp, đặc biệt là những đơn vị đang tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu suất hệ thống mạng và tối ưu hóa hạ tầng công nghệ trong kỷ nguyên số.

## 2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ngày 16/07/2024, HĐQT thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT; Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- Ngày 16/07/2024, BKS thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của BKS
- Ngày 23/07/2024, HĐQT Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động sửa đổi BKSNB
- Ngày 1/12/2024 bổ nhiệm ông Lê Quốc Khánh giữ chức vụ Giám đốc kinh doanh cấp cao.
- Ngày 12/12/2024, bổ nhiệm các nhân sự như sau:
  - o Ông Nguyễn Việt Hà giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Kinh doanh số 1
  - o Ông Nguyễn Anh Sơn giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Kinh doanh số 2
  - o Ông Đinh Quang Tấn giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Kinh doanh số 3
  - o Ông Trần Đức Bình giữ chức vụ Giám đốc Đơn vị Kinh doanh số 1
  - o Ông Trịnh Minh Trí giữ chức vụ Giám đốc Đơn vị Kinh doanh số 5
  - o Ông Trần Quốc Kỳ giữ chức vụ Giám đốc Đơn vị Kinh doanh số 6
  - o Bà Nguyễn Thị Bích Liên giữ chức vụ Giám đốc Quản lý dự án

Việc bổ nhiệm này được xem là bước kiện toàn bộ máy quản lý cấp bộ phận, nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, quản lý dự án.

- Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm tài chính 2024:

| Chỉ tiêu                    | Thực hiện 2024<br>(Tỷ VNĐ) | Kế hoạch 2025<br>(Tỷ VNĐ) | Năm TC 2025 so<br>với năm TC 2024 |
|-----------------------------|----------------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| Doanh thu hợp nhất          | 687,06                     | 831,10                    | 120,96%                           |
| Lợi nhuận sau thuế hợp nhất | 4,32                       | 6,53                      | 151,15%                           |

- Trong giai đoạn năm 2025-2028, Công ty tiếp tục duy trì và nâng cấp mối quan hệ với các đối tác truyền thống như: Cisco, Dell, HPE, Fortinet, Checkpoint,..., phát huy ưu thế về nguồn nhân lực chất lượng cao và kinh nghiệm 30 năm trong ngành CNTT-VT để phát triển các giải pháp và hạ tầng số hóa cho doanh nghiệp.
- Đầu tư có chọn lọc và đa dạng hoá các ứng dụng, giải pháp công nghệ cho các mảng thị trường: Sản xuất, bán lẻ, tài chính – ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ (viễn thông, năng lượng), cơ quan ban ngành... nhất là các ứng dụng và hạ tầng có tích hợp trí tuệ nhân tạo.
- Tái định vị thương hiệu Sao Bắc Đẩu nhằm nâng cao giá trị hình ảnh, củng cố niềm tin khách hàng và mở rộng thị phần. Kết hợp văn hóa doanh nghiệp với thương hiệu đồng thời đưa ra những thông điệp truyền thông theo hướng giá trị mang lại cho khách hàng.
- Tài chính: có kế hoạch tăng hạn mức tín dụng ngân hàng nhằm phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh.

- Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, đặc biệt tận dụng năng lực của Sao Bắc Đẩu để hỗ trợ và thúc đẩy ứng dụng số hoá cho các doanh nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động ươm mầm tài năng công nghệ cho các sinh viên, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực kế thừa chất lượng cao.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

###### **a. Tình hình tài chính**

- Trong năm 2024, Công ty tiếp tục duy trì kết quả tài chính tích cực nhờ các biện pháp tối ưu hóa hoạt động và quản trị chi phí hiệu quả. Mặc dù doanh thu có sự suy giảm, nhưng lợi nhuận gộp được cải thiện nhờ nâng cao hiệu suất vận hành và tái cấu trúc doanh nghiệp. Tuy nhiên, lợi nhuận ròng vẫn chịu ảnh hưởng từ chi phí tài chính tăng do lãi suất vay cao và chi phí dự phòng cho các khoản công nợ tồn đọng từ những năm trước.

###### **b. Hoạt động quản trị và kinh doanh**

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và kinh doanh:

- Kiểm toán và giám sát tài chính: Phối hợp với Ban Kiểm soát và Kiểm toán RSM trong công tác kiểm toán năm tài chính 2024. Đóng góp ý kiến về chất lượng công tác kiểm toán
- Quản trị doanh nghiệp: Tổ chức đầy đủ các cuộc họp theo Điều lệ Công ty, phê duyệt các quyết định chiến lược, đảm bảo minh bạch và hiệu quả.
- Ban chỉ đạo triển khai hệ thống quản trị áp dụng chính sách minh bạch (integrity) thuộc HĐQT đã cùng ban TGD và đội ngũ điều hành phối hợp cùng tư vấn quốc tế triển khai quyết liệt chính sách cho toàn Tổng công ty và các công ty thành viên.
- Đổi mới công nghệ: HĐQT đã tổ chức nghiên cứu và có 1 số định hướng đầu tư vào nghiên cứu phát triển (R&D), đặc biệt trong lĩnh vực AI, và nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng xu hướng chuyển đổi số
- Quản lý tài chính và công nợ: Hỗ trợ Ban Điều hành thu hồi công nợ tồn đọng, cải thiện dòng tiền và tăng cường ổn định tài chính.

###### **c. Tăng vốn điều lệ**

- Hoàn tất việc triển khai chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP), sửa đổi Điều lệ và các thủ tục pháp lý liên quan. Nâng vốn điều lệ từ 135.146.800.000 đồng lên 139.164.800.000 đồng với 13.916.480 cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 12/11/2024

###### **d. Trách nhiệm môi trường và xã hội**

- Ban Lãnh đạo SBD cam kết mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững, tuân thủ chặt chẽ các quy định, tiêu chuẩn và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. SBD luôn hướng đến sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh doanh với bảo vệ môi trường và đóng góp tích cực cho cộng đồng, đảm bảo phát triển bền vững và tạo giá trị lâu dài cho xã hội. Công tác phối hợp với KCX Tân Thuận và Công đoàn KCX Tân Thuận được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Dù doanh thu toàn group có sụt giảm, Hội đồng Quản trị ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban Giám đốc trong năm 2024, đặc biệt trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động. Ban Giám đốc đã chủ động thích ứng, triển khai hiệu quả các chiến lược kinh doanh, tối ưu hóa hoạt động vận hành và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần vào sự phát triển bền vững của công ty.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

###### **3.1 Kế hoạch quản trị và kinh doanh**

###### **a. Phát triển kinh doanh và quản trị hoạt động SXKD**

- Đảm bảo việc hỗ trợ cần thiết để Ban TGD thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025; Hỗ trợ bộ máy điều hành xây dựng, củng cố các thị trường truyền thống và phát triển các khách hàng chiến lược mới;



- Đặt mục tiêu mở rộng thị trường và nâng cao sự hiện diện của công ty tại các khu vực mới. Tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác chiến lược và mở rộng danh sách khách hàng.

#### **b. Quản trị tài chính và quản trị rủi ro**

- Ưu tiên tái cấu trúc các hoạt động đầu tư, xử lý công nợ tồn đọng trong các năm vừa qua; Tiếp tục trực tiếp tham gia và hỗ trợ ban TGD thu hồi các công nợ tồn đọng dài trong quá khứ;
- Đảm bảo quản trị tốt, tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Cam kết duy trì sự minh bạch và trung thực trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và tạo lòng tin cho khách hàng và đối tác.
- Ban chỉ đạo triển khai chính sách minh bạch theo hướng dẫn của tư vấn quốc tế, đã mở rộng lĩnh vực kiểm soát rủi ro, qua đó giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

#### **3.2 Văn hoá doanh nghiệp**

- HĐQT đã, đang và sẽ tiếp tục đẩy mạnh, cố gắng củng cố và xây dựng văn hoá doanh nghiệp theo truyền thống 29 năm qua của SBD.

#### **3.3 Đầu tư vào nhân lực**

- Các bước xây dựng kế hoạch kế thừa cho các vị trí lãnh đạo cấp cao đã được chuẩn bị cho quá trình tái cơ cấu và củng cố, trẻ hoá bộ máy quản lý và lãnh đạo phù hợp với tình hình thực tế.
- Tăng cường chương trình đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý của nhân viên.
- Bổ nhiệm các nhân sự đã sẵn sàng về năng lực, tố chất và kinh nghiệm, đã qua đào tạo vào các vị trí các vị trí lãnh đạo cấp cao vào thời điểm phù hợp để đảm bảo tính kế thừa, trẻ hoá và sẵn sàng cho phát triển trong giai đoạn mới.
- Tạo điều kiện thu hút và giữ chân nhân tài. Thúc đẩy việc tạo ra môi trường làm việc tích cực và động lực, tạo điều kiện cho nhân viên phát triển bản thân và đóng góp vào sự thành công của công ty.

#### **3.4 Đầu tư cho Khoa học công nghệ**

- Tăng cường đổi mới công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu để duy trì sự cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng biến đổi. Tập trung đặc biệt cho lĩnh vực ứng dụng AI vào các hoạt động sản xuất kinh doanh ở thị trường Việt Nam.
- Bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao về công nghệ (CTO) để đảm bảo việc tập trung nhiều hơn vào lĩnh vực công nghệ.

### **V. Quản trị công ty**

#### **1. Hội đồng quản trị**

##### **a. Thành phần và cơ cấu của Hội đồng quản trị (căn cứ danh sách cổ đông ngày 31/03/2025)**

| STT | Thành viên         | Chức vụ         | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------|-----------------|-------------------|--------------|
| 1   | Nguyễn Đức Quang   | Chủ tịch HĐQT   | 2.291.078         | 16,46%       |
| 2   | Đỗ Văn Hào         | Phó CT HĐQT     | 613.409           | 4,41%        |
| 3   | Nguyễn Việt Thắng  | Phó CT HĐQT     | 667.820           | 4,80%        |
| 4   | Nguyễn Hồng Minh   | Thành viên HĐQT | 76.300            | 0,55%        |
| 5   | Nguyễn Xuân Trường | Thành viên HĐQT | 321.571           | 2,31%        |
| 6   | Đặng Nam Sơn       | Thành viên HĐQT | 137.064           | 0,98         |
| 7   | Nguyễn Tuấn Nghĩa  | Thành viên HĐQT | 0                 | 0%           |

#### **Thông tin Hội đồng quản trị**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ông Nguyễn Đức Quang</b><br><b>Chủ tịch HĐQT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Ông Đỗ Văn Hào</b><br><b>Phó CT HĐQT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1970</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nội</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch HĐQT</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: TV Hội đồng tư vấn ANS Center – Úc; TV Hội đồng tư vấn Realbox Singapore; TV Hội đồng tư vấn Công ty tư vấn Luật Playfair Advisory - Úc</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1963</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nam</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Toán ứng dụng</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó CT HĐQT</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Qi (Qi Technologies); Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý toà nhà PMS (PMS Pro)</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ông Nguyễn Việt Thắng</b><br><b>Phó CT HĐQT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Ông Nguyễn Hồng Minh</b><br><b>Thành viên HĐQT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1974</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nội</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch/ Phó TGD VP Milk; Phó Chủ tịch HĐQT Qi Technologies Corporation; Chủ tịch Công ty Logistics Starlinks</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1970</li> <li>- Nơi sinh: Quảng Ninh</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị kinh doanh (MBA, sub majors in Marketing and Finance); Cao học Kế toán (Master of Professional Accounting).</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty CP Dịch Vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu (SBD Telecom)</li> </ul> |

|                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ông Nguyễn Xuân Trường</b><br><b>Thành viên HĐQT</b>                                                                                                                                                                                                                | <b>Ông Đặng Nam Sơn</b><br><b>Thành viên HĐQT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa</b><br><b>Thành viên HĐQT</b>                                                                                                                                                                                                                                 |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1977</li> <li>- Nơi sinh: Thái Bình</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Đại học</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1976</li> <li>- Nơi sinh: Hà Nội</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Grande; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Flexfit</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sinh: 1980</li> <li>- Nơi sinh: Bắc Ninh</li> <li>- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên HĐQT</li> <li>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: CEO/CTO ANS Direct Pty Ltd (ANSCENTER)</li> </ul> |

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**



HDQT đã thành lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc HDQT ngày 02/01/2024 và đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động. Trong kỳ Báo cáo, Ban kiểm soát nội bộ đã thực hiện một số hoạt động theo quy chế và kế hoạch năm như sau:

- Rà soát với Ban điều hành việc xử lý các ý kiến của Kiểm toán độc lập;
- Rà soát và kiến nghị HDQT sửa đổi, và HDQT trình ĐHCĐ phê duyệt sửa đổi các quy chế hoạt động của Công ty để đáp ứng yêu cầu về quản trị rủi ro cũng như đảm bảo chính sách minh bạch của Công ty;
- Phối hợp với Ban kiểm soát trong các công việc thường kỳ của Ban kiểm soát;
- Phối hợp với Ban điều hành trong một số vụ việc cụ thể trong công tác quyết toán, giải quyết công nợ khó đòi.
- Từng bước tham gia giám sát và kiểm soát hệ thống quản trị với chính sách minh bạch đang được triển khai tại toàn group.

### c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

#### Đánh giá hoạt động của HDQT trong năm TC 2024

HDQT đã nắm bắt tốt tình hình biến động của nền kinh tế xã hội, qua đó đã có những chính sách linh hoạt, phù hợp thực tiễn đảm bảo được những chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.

#### Các cuộc họp HDQT

| STT | Thành viên         | Chức vụ         | Số buổi họp HDQT tham dự | Tỷ lệ tham dự |
|-----|--------------------|-----------------|--------------------------|---------------|
| 1   | Nguyễn Đức Quang   | Chủ tịch HDQT   | 25/25                    | 100%          |
| 2   | Đỗ Văn Hào         | Phó CT HDQT     | 25/25                    | 100%          |
| 3   | Nguyễn Việt Thắng  | Thành viên HDQT | 25/25                    | 100%          |
| 4   | Lê Hồng Phong      | Thành viên HDQT | 25/25                    | 100%          |
| 5   | Nguyễn Xuân Trường | Thành viên HDQT | 25/25                    | 100%          |
| 6   | Đặng Nam Sơn       | Thành viên HDQT | 25/25                    | 100%          |
| 7   | Nguyễn Tuấn Nghĩa  | Thành viên HDQT | 25/25                    | 100%          |

#### Các Nghị quyết HDQT

| STT | Số Nghị quyết   | Ngày       | Nội dung                                                                          | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-----------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 04/2024/NQ-HDQT | 24/05/2024 | Thông qua việc trích lập dự phòng Đèo cả                                          | 100%            |
| 2   | 05/2024/NQ-HDQT | 19/06/2024 | Thông qua việc tiếp nhận và chấp thuận đơn từ nhiệm TV HDQT của ông Lê Hồng Phong | 100%            |
| 3   | 06/2024/NQ-HDQT | 19/06/2024 | Thông qua việc đề cử nhân sự dự kiến bầu TV HDQT bổ sung nhiệm kỳ 2022-2027       | 100%            |

|    |                   |            |                                                                                                                                                              |      |
|----|-------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4  | 07/2024/NQ-HĐQT   | 08/07/2024 | Thông qua danh sách đề cử nhân sự bầu TVHĐQT bổ sung nhiệm kỳ 2022-2027                                                                                      | 100% |
| 5  | 08/2024/NQ-HĐQT   | 16/07/2024 | Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT                                                                                                           | 100% |
| 6  | 09/2024/NQ-HĐQT   | 16/07/2024 | Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty                                                                                                   | 100% |
| 7  | 10/2024/NQ-HĐQT   | 16/07/2024 | Thông qua việc bổ nhiệm Thành viên HĐQT Sáng lập và cổ vấn ông Lê Hồng Phong                                                                                 | 100% |
| 8  | 10-1/2024/NQ-HĐQT | 23/07/2024 | Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động sửa đổi BKSNB                                                                                                      | 100% |
| 9  | 11/2024/NQ-HĐQT   | 12/08/2024 | Thông qua Tiêu chí và Danh sách phân bổ cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động.                                                        | 100% |
| 10 | 12/2024/NQ-HĐQT   | 12/08/2024 | Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động                                                         | 100% |
| 11 | 13/2024/NQ-HĐQT   | 23/08/2024 | Thông qua việc thuê tài chính từ Chailease                                                                                                                   | 100% |
| 12 | 14/2024/NQ-HĐQT   | 30/09/2024 | Thông qua Tiêu chí và Danh sách phân bổ cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động.                                                        | 100% |
| 13 | 15/2024/NQ-HĐQT   | 15/10/2024 | Thông qua việc mua tài sản cố định.                                                                                                                          | 100% |
| 14 | 16/2024/NQ-HĐQT   | 13/11/2024 | Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty                                                         | 100% |
| 15 | 17/2024/NQ-HĐQT   | 25/11/2024 | Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Đăng ký chứng khoán bổ sung với VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung với HNX | 100% |
| 16 | 18/2024/NQ-HĐQT   | 25/11/2024 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn                                                                  | 100% |
| 17 | 19/2024/NQ-HĐQT   | 24/12/2024 | Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) – Chi nhánh Đồng Sài Gòn                                                                         | 100% |
| 18 | 20/2024/NQ-HĐQT   | 24/12/2024 | Thông qua việc mượn và sử dụng tài sản đảm bảo sau để đảm bảo cho các khoản tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)                                        | 100% |



|    |                 |            |                                                                                                           |      |
|----|-----------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19 | 21/2024/NQ-HĐQT | 30/12/2024 | Thông qua hạn mức tín dụng tại TPBank Nhà Bè                                                              | 100% |
| 20 | 01/2025/NQ-HĐQT | 02/01/2025 | Thông qua việc chỉ định chủ tài khoản tại các ngân hàng                                                   | 100% |
| 21 | 02/2025/NQ-HĐQT | 06/01/2025 | Thông qua hạn mức tín dụng/mức tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) | 100% |
| 22 | 03/2025/NQ-HĐQT | 05/02/2025 | Thông qua chủ trương giải thể SBD Solution                                                                | 100% |
| 23 | 04/2025/NQ-HĐQT | 24/02/2025 | Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nội bộ                                                 | 100% |

**2. Ban kiểm soát:**

**a. Thành phần và cơ cấu của Ban kiểm soát (căn cứ danh sách cổ đông ngày 31/03/2025)**

| STT | Thành viên           | Chức vụ        | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|----------------------|----------------|-------------------|--------------|
| 1   | Mai Thị Thúy Mai     | Trưởng BKS     | 1.015.290         | 7,3%         |
| 2   | Đặng Thị Thanh Hương | Thành viên BKS | 0                 | 0%           |
| 3   | Trần Thị Mỹ Nhị      | Thành viên BKS | 0                 | 0%           |

**Thông tin Ban kiểm soát**

|                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p align="center"><b>01. Bà Mai Thị Thúy Mai</b><br/><b>Trưởng BKS</b></p> <p>- Năm sinh: 1963<br/>- Nơi sinh: Thanh Hóa<br/>- Trình độ chuyên môn: Chuyên ngành Kinh tế<br/>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Trưởng BKS<br/>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có</p>          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <p align="center"><b>02. Bà Đặng Thị Thanh Hương</b><br/><b>Thành viên BKS</b></p> <p>- Năm sinh: 1972<br/>- Nơi sinh: Hà Nội<br/>- Trình độ chuyên môn: Chuyên ngành Kế toán<br/>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên BKS<br/>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có</p> | <p align="center"><b>03. Bà Trần Thị Mỹ Nhị</b><br/><b>Thành viên BKS</b></p> <p>- Năm sinh: 1979<br/>- Nơi sinh: Tiền Giang<br/>- Trình độ chuyên môn: Chuyên ngành Kế toán<br/>- Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên BKS<br/>- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Cty cổ phần Công nghệ Qi</p> |

## b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động:

- Giám sát, kiểm tra việc quản lý, thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2024 của HĐQT và Ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2024 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2024. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị do Tổng giám đốc và phòng kế toán chuẩn bị hàng quý /bán niên/năm.
- Xem xét báo cáo của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam - thành viên RSM Quốc tế phát hành.

## c. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban TGD

- Kiểm soát việc tuân thủ Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban điều hành lập, kiểm tra các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ điều hành khác

- Tham gia các cuộc họp HĐQT
- Kiến nghị và đề xuất HĐQT về chọn đơn vị kiểm toán độc lập BCTC Công ty.
- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả điều hành của công ty.

## d. Các cuộc họp của BKS trong năm 2024

| STT | Thành viên           | Chức vụ        | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự |
|-----|----------------------|----------------|-------------------------|---------------|
| 1   | Mai Thị Thúy Mai     | Trưởng BKS     | 4/4                     | 100%          |
| 2   | Đặng Thị Thanh Hương | Thành viên BKS | 4/4                     | 100%          |
| 3   | Trần Thị Mỹ Nhị      | Thành viên BKS | 4/4                     | 100%          |

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ và BKS

### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2024, tổng mức lương, thưởng và thù lao của Hội đồng quản trị là 2.053.126.630 đồng

Ban kiểm soát là 381.450.000 đồng

và Ban điều hành là: 4.984.823.077 đồng

| STT | Thành viên            | Chức vụ       | Thu nhập (đồng) |
|-----|-----------------------|---------------|-----------------|
| 1   | Ông Nguyễn Đức Quang  | Chủ tịch HĐQT | 710.190.000     |
| 2   | Ông Đỗ Văn Hào        | Phó CT HĐQT   | 562.065.000     |
| 3   | Ông Nguyễn Việt Thắng | Phó CT HĐQT   | 500.002.500     |



|                  |                         |                                   |                      |
|------------------|-------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| 4                | Ông Nguyễn Hồng Minh    | Thành viên HĐQT/<br>Tổng giám đốc | 1.871.894.231        |
| 5                | Ông Nguyễn Xuân Trường  | Thành viên HĐQT/Phó TGD           | 1.106.682.692        |
| 6                | Ông Đặng Nam Sơn        | Thành viên HĐQT                   | 140.434.565          |
| 7                | Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa   | Thành viên HĐQT                   | 140.434.565          |
| 9                | Ông Trần Tuyên Đức      | Phó TGD                           | 1.178.201.923        |
| 10               | Bà Mai Thúy Mai         | Trưởng Ban kiểm soát              | 162.125.000          |
| 11               | Bà Đặng Thị Thanh Hương | Thành viên BKS                    | 146.925.000          |
| 12               | Bà Trần Thị Mỹ Nhị      | Thành viên BKS                    | 72.400.000           |
| 13               | Ông Ngô Tiến Mạnh       | Kế toán trưởng                    | 828.044.231          |
| <b>Tổng cộng</b> |                         |                                   | <b>7.419.399.707</b> |

**b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

| Stt | Người thực hiện giao dịch                     | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |              | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |              | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)                                     |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------|----------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                               |                          | <i>Số cổ phiếu</i>        | <i>Tỷ lệ</i> | <i>Số cổ phiếu</i>         | <i>Tỷ lệ</i> |                                                                                        |
| 1.  | Nguyễn Đức Quang<br>–<br>Chủ tịch HĐQT        |                          | 1.999.278                 | 14,79%       | 2.968.488                  | 21,33%       | Mua                                                                                    |
|     |                                               |                          | 2.968.488                 | 21,33%       | 2.291.087                  | 16,46%       | Bán                                                                                    |
| 2.  | Đỗ Văn Hào –<br>Phó CT HĐQT                   |                          | 1.003.711                 | 7,43%        | 613.409                    | 4,41%        | Bán                                                                                    |
| 3.  | Phạm Trần Ngọc Chương – Thành viên BKS nội bộ |                          | 70.000                    | 0,52%        | 0                          | 0%           | Bán                                                                                    |
| 4.  | Nguyễn Hồng Minh<br>–<br>Tổng giám đốc        |                          | 0                         | 0%           | 76.300                     | 0,56%        | Mua trực tiếp từ tổ chức phát hành trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP |
| 5.  | Nguyễn Xuân Trường –                          |                          | 228.171                   | 1,69%        | 321.571                    | 2,37%        | Mua trực tiếp từ tổ chức phát hành trong đợt Phát hành                                 |

|    |                                   |  |         |        |         |       |                                                                                        |
|----|-----------------------------------|--|---------|--------|---------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Phó tổng giám đốc                 |  |         |        |         |       | cổ phiếu theo chương trình ESOP                                                        |
| 6. | Ngô Tiến Mạnh –<br>Kế toán trưởng |  | 100.000 | 0,74%  | 113.300 | 0,83% | Mua trực tiếp từ tổ chức phát hành trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP |
| 7  | Đặng Nam Sơn –<br>Thành viên HĐQT |  | 149.164 | 1,072% | 137.064 | 0,98  | Bán                                                                                    |

**c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

**\*Thông tin về các bên liên quan**



**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- |                                                            |                          |
|------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Công nghệ QI                            | Công ty liên kết         |
| 2. Công ty TNHH Dịch vụ Tín học CEH                        | Công ty liên kết         |
| 3. Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

|                                                      | Tại ngày<br>31/03/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2024<br>VND |
|------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm Mục 4.3: |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI                         | 507.601.571                   | 418.000.000                   |
|                                                      | Tại ngày<br>31/03/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2024<br>VND |
| Các khoản cho mượn phải trả:                         |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI                         | -                             | (4.500.000.000)               |
| Nhận ứng trước tiền chuyển nhượng vốn:               |                               |                               |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tín học CEH                     | (1.300.000.000)               | (1.100.000.000)               |
| Cổ tức còn phải trả:                                 |                               |                               |
| Ông Đặng Nam Sơn                                     | (47.637.750)                  | (47.637.750)                  |
| <b>Cộng – Xem thêm Mục 4.14</b>                      | <b>(1.347.637.750)</b>        | <b>(5.647.637.750)</b>        |

Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

|                                                                                | Tại ngày<br>31/03/2025<br>VND | Tại ngày<br>01/04/2024<br>VND |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.15:                                              |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công nghệ QI                                                   | (7.500.000.000)               | -                             |
| Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau: |                               |                               |
|                                                                                | Năm nay<br>VND                | Năm trước<br>VND              |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ:                                                  |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ QI                                                   | 1.956.552.000                 | 4.565.000.000                 |
|                                                                                | Năm nay<br>VND                | Năm trước<br>VND              |
| Mua hàng hóa và dịch vụ:                                                       |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ QI                                                   | 218.399.168                   | 243.619.997                   |
|                                                                                | Năm nay<br>VND                | Năm trước<br>VND              |
| Tiền thu từ đi vay:                                                            |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ QI                                                   | 10.000.000.000                | 6.000.000.000                 |
|                                                                                | Năm nay<br>VND                | Năm trước<br>VND              |
| Chi phí lãi vay – Xem thêm Mục 5.3:                                            |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ QI                                                   | 517.109.586                   | 364.068.496                   |

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.



Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên HĐQT, BKS và Ban TGD của công ty trong năm như sau:

| Tên                     | Chức danh                                          | Năm nay<br>VND       | Năm trước<br>VND     |
|-------------------------|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Đức Quang    | Chủ tịch HĐQT                                      | 710.190.000          | 653.000.000          |
| Ông Đỗ Văn Hào          | Phó Chủ tịch HĐQT                                  | 562.065.000          | 527.000.000          |
| Ông Nguyễn Việt Thắng   | Phó Chủ tịch                                       | 500.002.500          | 462.500.000          |
| Ông Đặng Nam Sơn        | Thành viên HĐQT                                    | 140.434.565          | 191.000.000          |
| Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa   | Thành viên HĐQT                                    | 140.434.565          | 191.000.000          |
| Ông Lê Hồng Phong       | Thành viên HĐQT<br>(miễn nhiệm ngày<br>16/07/2024) | 113.312.826          | 443.300.000          |
| Ông Nguyễn Hồng Minh    | Tổng Giám đốc kiêm<br>thành viên HĐQT              | 1.871.894.231        | 1.456.554.545        |
| Ông Trần Tuyên Đức      | Phó Tổng Giám đốc                                  | 1.178.201.923        | 940.100.000          |
| Ông Nguyễn Xuân Trường  | Phó Tổng Giám đốc                                  | 1.106.682.692        | 851.000.000          |
| Bà Mai Thị Thủy Mai     | Trưởng BKS                                         | 162.125.000          | 154.454.545          |
| Bà Đặng Thị Thanh Hương | Thành viên BKS                                     | 146.925.000          | 140.600.000          |
| Bà Trần Thị Mỹ Nhị      | Thành viên BKS                                     | 72.400.000           | 62.608.696           |
| Ông Ngô Tiến Mạnh       | Kế toán trưởng                                     | 828.044.231          | 636.959.091          |
| <b>Cộng</b>             |                                                    | <b>7.532.712.533</b> | <b>6.710.076.877</b> |

#### d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán
- Các Thông Tư, Nghị định, Quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 25 tháng 06 năm 2025.

#### Ý kiến của kiểm toán viên:

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận cho khoản nợ phải thu dài hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 với số tiền là 19,16 tỷ VND. Đồng thời, với tài liệu hiện có của Tập đoàn, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể cho ý kiến về khoản công nợ phải thu này và các ảnh hưởng (nếu có) tại ngày 31 tháng 03 năm 2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 03 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số

53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán năm TC kết thúc ngày 31/03/2025

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                         | Mã số      | TM   | Tại ngày<br>31/03/2025 | Tại ngày<br>01/04/2024 |
|-------------------------------------------------|------------|------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b> |      | <b>388.018.115.449</b> | <b>502.278.312.083</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền           | 110        | 4.1  | 11.229.033.875         | 25.023.074.308         |
| 1. Tiền                                         | 111        |      | 9.229.033.875          | 7.023.074.308          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                   | 112        |      | 2.000.000.000          | 18.000.000.000         |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn                   | 120        |      | 685.100.000            | 6.623.000.000          |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 123        |      | 685.100.000            | 6.623.000.000          |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn                | 130        |      | 218.467.072.383        | 284.725.013.330        |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131        | 4.3  | 158.842.501.819        | 220.780.385.312        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132        |      | 5.619.430.181          | 19.485.147.885         |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                       | 136        | 4.5  | 68.920.881.801         | 76.723.166.915         |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi           | 137        | 4.6  | (14.915.741.418)       | (32.263.686.782)       |
| IV. Hàng tồn kho                                | 140        | 4.7  | 157.285.319.226        | 185.450.622.568        |
| 1. Hàng tồn kho                                 | 141        |      | 157.292.757.024        | 185.458.060.366        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho               | 149        |      | (7.437.798)            | (7.437.798)            |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                        | 150        |      | 351.589.965            | 456.601.877            |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151        |      | 349.688.583            | 446.642.535            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                      | 152        |      | 978.203                | 5.933.914              |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 153        | 4.13 | 923.179                | 4.025.428              |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |      | <b>145.011.001.129</b> | <b>143.182.185.144</b> |
| I. Các khoản phải thu dài hạn                   | 210        |      | 28.961.032.803         | 26.422.174.295         |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        | 4.4  | 19.155.005.485         | 19.155.005.465         |
| 2. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |      | 5.000.000.000          | -                      |
| 3. Phải thu dài hạn khác                        | 218        | 4.5  | 10.306.027.338         | 7.267.168.830          |
| 4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        | 4.6  | (5.500.000.000)        | -                      |
| II. Tài sản cố định                             | 220        |      | 95.148.987.439         | 94.339.166.672         |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 4.8  | 46.308.539.418         | 59.644.681.336         |
| Nguyên giá                                      | 222        |      | 156.267.451.355        | 182.141.365.273        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 223        |      | (109.958.911.937)      | (122.496.683.937)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        | 4.9  | 39.005.915.750         | 26.600.339.091         |
| Nguyên giá                                      | 225        |      | 50.445.669.206         | 42.513.531.155         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 226        |      | (11.439.753.456)       | (15.913.192.064)       |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | 4.10 | 9.834.532.271          | 8.094.146.245          |
| Nguyên giá                                      | 228        |      | 15.606.260.414         | 12.303.338.783         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                          | 229        |      | (5.771.728.143)        | (4.209.192.538)        |
| III. Tài sản dở dang dài hạn                    | 240        |      | 1.700.939.466          | 5.006.063.413          |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |      | 21.655.166             | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |      | 1.679.284.300          | 5.006.063.413          |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn                    | 250        | 4.2  | 9.735.299.484          | 9.987.954.540          |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |      | 9.735.299.486          | 9.987.954.540          |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |      | 1.200.000.000          | 1.200.000.000          |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |      | (1.200.000.002)        | (1.200.000.000)        |
| V. Tài sản dài hạn khác                         | 260        |      | 9.464.741.937          | 7.426.826.224          |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        |      | 9.464.741.937          | 7.412.587.682          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |      | -                      | 14.238.542             |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>      | <b>270</b> |      | <b>533.029.116.578</b> | <b>645.460.497.227</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                    | Mã số      | TM     | Tại ngày<br>31/03/2025 | Tại ngày<br>01/04/2024 |
|----------------------------------------------|------------|--------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |        | <b>378.799.567.313</b> | <b>499.540.814.230</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>310</b> |        | <b>335.675.556.420</b> | <b>481.629.317.377</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn               | 311        | 4.11   | 31.093.316.041         | 127.280.733.661        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn         | 312        | 4.12   | 22.889.368.368         | 28.537.776.381         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 313        | 4.13   | 4.971.123.751          | 5.397.226.563          |
| 4. Phải trả người lao động                   | 314        |        | 6.992.897.746          | 7.202.071.570          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 315        |        | 3.043.242.717          | 12.509.299.868         |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn         | 318        |        | 6.453.265.926          | 9.811.015.195          |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                    | 319        | 4.14   | 5.746.151.523          | 8.640.138.061          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn         | 320        | 4.15   | 252.837.099.491        | 282.251.056.078        |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn                | 321        |        | 1.649.090.857          | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                        | <b>330</b> |        | <b>43.124.010.893</b>  | <b>17.911.496.853</b>  |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn          | 338        | 4.15   | 40.173.057.484         | 14.975.576.906         |
| 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả           | 341        |        | 2.903.795.762          | 2.366.109.286          |
| 3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ      | 343        |        | 47.157.647             | 569.810.661            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |        | <b>154.229.549.265</b> | <b>145.919.682.997</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>410</b> | 4.16.1 | <b>154.229.549.265</b> | <b>145.919.682.997</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                    | 411        | 4.16.2 | 139.164.800.000        | 135.146.800.000        |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |        | 139.164.800.000        | 135.146.800.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                      | 412        |        | (30.000.000)           | -                      |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 421        |        | 14.061.127.632         | 9.945.289.372          |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước      | 421a       |        | 9.945.289.372          | 4.606.794.995          |
| LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |        | 4.115.838.260          | 5.338.494.377          |
| 4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát           | 429        |        | 1.033.621.633          | 827.593.625            |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b> |        | <b>533.029.116.578</b> | <b>645.460.497.227</b> |

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm TC kết thúc ngày 31/03/2025**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | TM     | Năm nay         | Năm trước       |
|----------------------------------------------------|-------|--------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 5.1    | 687.057.442.029 | 785.786.139.881 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |        | 687.057.442.029 | 785.786.139.881 |
| 3. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 5.2    | 557.309.667.707 | 634.332.161.681 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |        | 129.747.774.322 | 151.453.978.200 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    |        | 6.283.621.601   | 3.104.134.970   |
| 6. Chi phí tài chính                               | 22    | 5.3    | 28.929.164.850  | 37.116.864.246  |
| Trong đó, chi phí lãi vay                          | 23    |        | 23.624.237.700  | 34.981.297.795  |
| 7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết         | 24    |        | 482.736.946     | 338.876.747     |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | 5.4    | 51.758.182.905  | 56.198.287.813  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 5.5    | 46.730.055.241  | 54.347.062.890  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |        | 9.096.729.873   | 7.234.774.968   |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | 5.6    | 10.163.685.936  | 10.943.860.775  |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |        | 9.102.369.068   | 5.940.427.923   |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |        | 1.061.316.868   | 5.003.432.852   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |        | 10.158.046.741  | 12.238.207.820  |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51    | 5.8    | 5.284.014.369   | 5.636.569.805   |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | 52    |        | 551.925.018     | 1.202.136.120   |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |        | 4.322.107.354   | 5.399.501.895   |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              | 61    |        | 4.115.838.260   | 5.338.494.377   |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62    |        | 206.269.094     | 61.007.518      |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 4.16.5 | 301             | 396             |
| 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | 4.16.5 | 301             | 396             |

**Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm TC kết thúc ngày 31/03/2025**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                 | Mã số | TM  | Năm nay         | Năm trước       |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-----------------|-----------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                        |       |     |                 |                 |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                  | 01    |     | 10.158.046.741  | 12.238.207.820  |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                             |       |     |                 |                 |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                   | 02    | 5.7 | 32.990.589.514  | 30.034.652.286  |
| Các khoản dự phòng                                                                       | 03    |     | (6.050.445.547) | 12.549.006.024  |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    |     | (1.716.436.499) | 459.965.399     |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05    |     | 1.929.769.237   | (4.096.656.620) |
| Chi phí lãi vay                                                                          | 06    | 5.3 | 23.624.237.700  | 34.981.297.795  |

(Xem tiếp trang sau)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                       | Mã số     | TM    | Năm nay                 | Năm trước               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------|-------------------------|-------------------------|
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>                                                    | <b>08</b> |       | <b>60.935.761.146</b>   | <b>86.166.472.704</b>   |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09        |       | 75.045.364.169          | 157.073.633.717         |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10        |       | 19.321.994.253          | 11.025.441.946          |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        |       | (112.860.194.024)       | (114.774.972.483)       |
| Tăng giảm chi phí trả trước                                                                    | 12        |       | (1.955.200.303)         | 1.443.357.811           |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14        |       | (23.701.076.140)        | (34.861.594.233)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15        | 4.13  | (3.679.947.173)         | (6.747.784.259)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                           | <b>20</b> |       | <b>13.106.701.928</b>   | <b>99.324.555.203</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                                 |           |       |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 21        |       | (2.329.872.357)         | (42.678.693.869)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           | 22        |       | 10.994.288.645          | 20.672.625.130          |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác                                    | 23        |       | (5.685.100.000)         | (6.623.000.000)         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24        |       | 6.623.000.000           | -                       |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 26        |       | 200.000.000             | 1.000.000.000           |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                         | 27        |       | 1.318.103.200           | 807.248.466             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                               | <b>30</b> |       | <b>11.120.419.488</b>   | <b>(26.821.820.273)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                             |           |       |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                                 | 31        | 4.6.1 | 4.018.000.000           | 13.363.000.000          |
| 2. Tiền thu từ đi vay                                                                          | 33        | 6.1   | 576.938.410.194         | 580.902.052.209         |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay                                                                         | 34        | 6.2   | (597.538.670.017)       | (635.586.772.493)       |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |       | (21.237.340.330)        | (12.916.487.417)        |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                     | 36        |       | (32.244.900)            | (660.359)               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                            | <b>40</b> |       | <b>(37.851.845.053)</b> | <b>(54.238.868.060)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b><br>(50 = 20+30+40)                                      | <b>50</b> |       | <b>(13.624.723.637)</b> | <b>18.263.866.870</b>   |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                                               | 60        |       | 25.023.074.308          | 6.855.067.298           |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                        | 61        |       | (169.316.796)           | (95.859.860)            |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b><br>(70 = 50+60+61)                                    | <b>70</b> | 4.1   | <b>11.229.033.875</b>   | <b>25.023.074.308</b>   |

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, xác nhận rằng các thông tin được cung cấp trong bản báo cáo thường niên này đã thể hiện ở mức độ chính xác và đầy đủ nhất (theo nhận định của chúng tôi) về tình hình hoạt động một cách toàn diện trong năm TC 2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Đức Quang



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Xuân Trường

